TẠP CHÍ KHOA HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI
Khoa học Giáo dục 2026, Tập 71, Số 7, tr. 102-110
ISSN 2354-1075; https://hnuejs.edu.vn/es
DOI: 10.18173/2354-1075.2026-0106

THỰC TRẠNG VÀ NHU CẦU SỬ DỤNG HỌC LIỆU BẢN ĐỒ SỐ TRONG DẠY HỌC ĐỊA LÍ Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRONG BỐI CẢNH SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Tạ Đức Hiếu*, Pang Tas Y Danh, Danh Hữu Lộc, Phi Srỗn Ha Thọ,
Hoàng Thị Thu Thu và Phạm Mai Thanh Trâm
Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh, Việt Nam
*Tác giả liên hệ: Tạ Đức Hiếu, e-mail: hieutd@hcmue.edu.vn
Ngày nhận bài: 20/4/2026. Ngày sửa bài: 30/8/2026. Ngày nhận đăng: 20/10/2026.

Tóm tắt. Trong bối cảnh chuyển đổi số và sắp xếp đơn vị hành chính ở Việt Nam, dạy học Địa lí đặt ra yêu cầu về nguồn học liệu bản đồ vừa cập nhật vừa phù hợp với sử dụng trong lớp học. Nghiên cứu khảo sát 253 giáo viên Địa lí trung học phổ thông từ 32 tỉnh, thành phố thuộc 6 vùng kinh tế - xã hội. Kết quả cho thấy bản đồ số được sử dụng thường xuyên, nhưng giáo viên vẫn phải dành đáng kể thời gian cho việc tìm kiếm, biên soạn hoặc điều chỉnh học liệu liên quan đến các đơn vị hành chính mới. Nhu cầu tập trung vào nội dung cập nhật và chuẩn hóa, chất lượng hiển thị, định dạng linh hoạt và khả năng hỗ trợ các hoạt động học tập dựa trên bản đồ. Kết quả cung cấp căn cứ thực nghiệm cho việc ưu tiên phát triển học liệu bản đồ số có độ tin cậy, nguồn gốc rõ ràng và phù hợp với dạy học Địa lí ở trường trung học phổ thông.
Từ khóa: học liệu bản đồ số, dạy học Địa lí, sắp xếp đơn vị hành chính, trung học phổ thông, năng lực địa lí.

CURRENT PRACTICES AND NEEDS FOR DIGITAL MAP LEARNING RESOURCES IN HIGH SCHOOL GEOGRAPHY EDUCATION AMID ADMINISTRATIVE UNIT REORGANIZATION

Ta Duc Hieu*, Pang Tas Y Danh, Danh Huu Loc, Phi Sron Ha Tho,
Hoang Thi Thu Thu and Pham Mai Thanh Tram
Ho Chi Minh City University of Education, Ho Chi Minh, Vietnam
*Corresponding author: Ta Duc Hieu, e-mail: hieutd@hcmue.edu.vn
Received April 20, 2026. Revised August 30, 2026. Accepted October 20, 2026.

Abstract. In the context of digital transformation and administrative unit reorganization in Vietnam, Geography teaching requires map learning resources that are both current and suitable for classroom use. This study surveyed 253 high-school Geography teachers from 32 provinces and cities across six socio-economic regions. The results show that digital maps are used frequently, yet teachers still spend considerable time searching for, compiling, or adjusting materials for newly reorganized administrative units. Needs are concentrated on updated and standardized content, display quality, flexible formats, and materials that can support map-based learning activities. The findings provide empirical evidence for prioritizing the development of digital map learning resources that are reliable, clearly sourced, and suitable for high-school Geography education.
Keywords: digital map learning resources, Geography education. administrative unit reorganization, high school, geographic competency.

1. Mở đầu

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ, giáo dục trở thành một trong những lĩnh vực chịu tác động sâu sắc từ sự phát triển của công nghệ. Đặc biệt, trong dạy học Địa lí, bản đồ không chỉ là phương tiện trực quan mà còn là công cụ nhận thức quan trọng, hỗ trợ học sinh khai thác và phân tích thông tin không gian. Sự phát triển của các công nghệ địa không gian như hệ thống thông tin địa lí (GIS) và Web-GIS mở rộng khả năng xây dựng, cập nhật và khai thác học liệu bản đồ trong quá trình dạy học (Baker et al., 2015; Jo & Bednarz, 2009).

Nhiều nghiên cứu đã khẳng định vai trò của bản đồ số và công nghệ địa không gian trong việc tổ chức hoạt động học tập Địa lí. Ở Việt Nam, GIS, viễn thám, MapInfo và Google Earth đã được sử dụng để hỗ trợ xây dựng bản đồ, hoạt động trải nghiệm, khai thác dữ liệu và phát triển năng lực địa lí cho học sinh (Ngô et al., 2025; Nguyễn, 2014, 2021). Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu tập trung vào một công cụ hoặc một bối cảnh dạy học cụ thể; bằng chứng khảo sát trên phạm vi nhiều vùng về thực trạng sử dụng học liệu bản đồ số, đặc biệt trong giai đoạn sắp xếp đơn vị hành chính, còn hạn chế.

Bên cạnh đó, các nghiên cứu hiện nay cũng có xu hướng nhấn mạnh khía cạnh công nghệ, trong khi chưa đi sâu phân tích những khó khăn thực tiễn mà giáo viên gặp phải khi sử dụng học liệu bản đồ trong bối cảnh thay đổi địa giới hành chính. Đặc biệt, mối quan hệ giữa biến động lãnh thổ và tính cập nhật của học liệu bản đồ trong dạy học Địa lí vẫn chưa được nghiên cứu một cách hệ thống. Đây chính là khoảng trống nghiên cứu quan trọng cần được làm rõ.

Tại Việt Nam, việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025 làm thay đổi tên gọi, phạm vi và cấu trúc của nhiều đơn vị lãnh thổ (Chính phủ, 2025b; Quốc hội, 2025; Ủy ban Thường vụ Quốc hội, 2025). Đồng thời, Thông tư số 17/2025/TT-BGDĐT điều chỉnh một số nội dung của Chương trình giáo dục phổ thông có liên quan trực tiếp đến môn Địa lí, còn Nghị quyết số 306/NQ-CP điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia và xác định cấu trúc sáu vùng kinh tế - xã hội trong bối cảnh mới (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025; Chính phủ, 2025a). Những thay đổi này đặt ra yêu cầu cập nhật học liệu bản đồ để bảo đảm tính chính xác và tính phù hợp với nội dung dạy học.

Xuất phát từ những vấn đề trên, nghiên cứu này nhằm: (1) đánh giá thực trạng sử dụng học liệu bản đồ số trong dạy học Địa lí ở trường trung học phổ thông; (2) phân tích những khó khăn của giáo viên trong bối cảnh sắp xếp đơn vị hành chính; và (3) xác định nhu cầu của giáo viên đối với việc phát triển học liệu bản đồ số. Trên cơ sở đó, nghiên cứu tập trung trả lời các câu hỏi: Học liệu bản đồ số hiện đang được sử dụng như thế nào? Giáo viên gặp những khó khăn gì đối với nguồn học liệu trong bối cảnh mới? Những nội dung và đặc tính nào của học liệu bản đồ được giáo viên ưu tiên? Nghiên cứu cung cấp bằng chứng thực tiễn về mức độ sử dụng, những khó khăn và nhu cầu của giáo viên đối với học liệu bản đồ số trong giai đoạn chuyển tiếp năm 2025. Trên cơ sở kết quả khảo sát, bài viết xác định các nhóm nội dung bản đồ cần ưu tiên cập nhật, qua đó góp phần định hướng phát triển học liệu theo hướng bảo đảm tính chính xác khoa học, khả năng cập nhật và tính sư phạm trong dạy học Địa lí.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng cách tiếp cận định lượng với thiết kế khảo sát mô tả nhằm thu thập thông tin về thực trạng sử dụng, những khó khăn và nhu cầu của giáo viên đối với học liệu bản đồ số. Thiết kế này phù hợp với mục tiêu nhận diện xu hướng trong một nhóm người tham gia có phạm vi địa lí rộng; kết quả được diễn giải ở mức mô tả và so sánh nhóm, không nhằm xác lập quan hệ nhân quả (Creswell & Creswell, 2018). Hoạt động khảo sát được triển khai trong giai đoạn từ tháng 9 đến tháng 12/2025. Cụ thể, trong tháng 9/2025, bảng hỏi được xây dựng và tiến hành khảo sát thử nhằm hiệu chỉnh nội dung và cấu trúc. Từ tháng 10 đến tháng 11/2025, khảo sát chính thức được thực hiện thông qua việc phát phiếu và thu thập dữ liệu trên phạm vi toàn quốc. Đến tháng 12/2025, dữ liệu được xử lí và tiến hành phân tích phục vụ cho nghiên cứu.

2.2. Đối tượng và mẫu nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là thực trạng sử dụng, những khó khăn về cập nhật học liệu và nhu cầu đối với học liệu bản đồ số trong dạy học Địa lí ở trường trung học phổ thông. Khách thể khảo sát là giáo viên đang giảng dạy môn Địa lí tại các trường trung học phổ thông.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu phi xác suất theo hướng thuận tiện. Bảng hỏi trực tuyến được chuyển qua các mạng lưới chuyên môn và nhóm giáo viên Địa lí; đồng thời nhóm nghiên cứu chủ động mở rộng kênh phát phiếu để thu nhận phản hồi từ cả sáu vùng kinh tế - xã hội. Cách chọn mẫu này giúp tăng độ phủ không gian nhưng không bảo đảm tính đại diện thống kê cho toàn bộ giáo viên Địa lí trung học phổ thông (Adeoye, 2023).

Sau khi làm sạch dữ liệu, 253 phiếu hợp lệ từ giáo viên thuộc 32 tỉnh, thành phố được đưa vào phân tích. Mẫu bao quát cả sáu vùng kinh tế - xã hội và nhiều nhóm thâm niên công tác, trong đó giáo viên có trên 10 năm kinh nghiệm chiếm tỉ lệ lớn. Do người tham gia được lựa chọn theo phương thức thuận tiện và quy mô mẫu giữa các vùng chưa đồng đều, kết quả nghiên cứu chủ yếu phản ánh đặc điểm của nhóm giáo viên được khảo sát và cần thận trọng khi khái quát cho toàn bộ giáo viên Địa lí trung học phổ thông.

2.3. Công cụ thu thập dữ liệu và thang đo

Dữ liệu được thu thập thông qua bảng hỏi trực tuyến trên nền tảng Google Forms. Các câu hỏi định lượng chủ yếu sử dụng thang Likert 5 mức, từ 1 - hoàn toàn không đồng ý đến 5 - hoàn toàn đồng ý (Likert, 1932). Trong nghiên cứu này, học liệu bản đồ số được hiểu theo nghĩa thao tác, bao gồm ảnh/tệp bản đồ số dùng trong trình chiếu, bản đồ trực tuyến và webmap.

Các biến được sử dụng trong phân tích chính gồm bốn nhóm: (1) vai trò và mức độ sử dụng bản đồ trong dạy học Địa lí, 5 biến; (2) nhận định về tình trạng học liệu bản đồ trong bối cảnh sắp xếp đơn vị hành chính, 6 biến; (3) nhu cầu đối với học liệu bản đồ số, 9 biến; và (4) mức độ ưu tiên cập nhật/xây dựng các nội dung bản đồ, 42 biến. Nhóm 42 nội dung được nhóm nghiên cứu xây dựng từ các mạch nội dung Địa lí Việt Nam, yêu cầu sử dụng bản đồ trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Địa lí và các nội dung cần cập nhật trong bối cảnh năm 2025 (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018, 2025; Chính phủ, 2025a).

Bảng hỏi có thêm một số câu hỏi mở để người tham gia bổ sung ý kiến. Dữ liệu mở không thuộc phạm vi phân tích của bài báo này và không được sử dụng thay cho các kết quả định lượng.

2.4. Xử lí và phân tích dữ liệu

Dữ liệu được kiểm tra, làm sạch, mã hóa và xử lí bằng phần mềm thống kê. Thống kê mô tả (tỉ lệ, giá trị trung bình (ĐTB) và độ lệch chuẩn (ĐLC)) được sử dụng để phản ánh các xu hướng chính; hệ số Cronbach's Alpha được dùng để kiểm tra mức độ nhất quán của các nhóm biến. Do nhóm 42 nội dung ưu tiên có hệ số Alpha rất cao, phân tích thành phần chính với phép xoay Varimax được sử dụng để rút gọn danh mục thành các nhóm nội dung dễ diễn giải. Phân tích phương sai một nhân tố (ANOVA) và kiểm định hậu nghiệm được dùng để xem xét khác biệt theo vùng kinh tế - xã hội và thâm niên công tác. Trọng số vùng được sử dụng cho các thống kê mô tả và phân tích tổng hợp; các so sánh nhóm được thực hiện trên dữ liệu không trọng số. Mức ý nghĩa thống kê được xác định tại $p < 0,05$.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Độ tin cậy của các nhóm biến

Kết quả kiểm định cho thấy ba nhóm biến về sử dụng bản đồ, tình trạng học liệu và nhu cầu có hệ số Cronbach's Alpha từ 0,741 đến 0,962, đáp ứng yêu cầu sử dụng trong các phân tích tiếp theo. Nhóm 42 nội dung ưu tiên có Alpha = 0,989; giá trị rất cao này cho thấy các mục có mức tương đồng lớn và cần được xem xét thêm về cấu trúc thay vì gộp thành một chỉ số duy nhất.

Bảng 1. Kết quả kiểm định độ tin cậy các nhóm biến

Nhóm biến chính	Số biến quan sát	Cronbach's Alpha
1. Vai trò và mức độ sử dụng bản đồ trong dạy học Địa lí	9	0,741
2. Nhận định về tình trạng học liệu bản đồ sau sắp xếp	6	0,890
3. Nhu cầu đối với học liệu bản đồ số	9	0,962
4. Mức độ ưu tiên cập nhật/xây dựng các nội dung bản đồ	42	0,989

Nguồn: kết quả khảo sát của tác giả, 2025

Trên cơ sở đó, 42 nội dung ưu tiên được tiếp tục phân tích để nhận diện các nhóm nội dung có quan hệ gần nhau. Cách xử lí này vừa đáp ứng yêu cầu kiểm tra độ tin cậy, vừa hỗ trợ việc diễn giải nhu cầu phát triển học liệu ở phần kết quả.

3.2. Thực trạng sử dụng bản đồ trong dạy học Địa lí ở trường trung học phổ thông

Kết quả khảo sát cho thấy bản đồ tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong dạy học Địa lí ở trường trung học phổ thông. Các tiêu chí phản ánh nhận thức của giáo viên về vai trò của bản đồ đều có giá trị trung bình ở mức cao, nổi bật là nhận định về vai trò của bản đồ đối với tư duy không gian và tính không thể thiếu của bản đồ trong giờ học (Bảng 2).

Trong định hướng phát triển năng lực, bản đồ không chỉ được sử dụng để minh họa nội dung mà còn là công cụ để học sinh khai thác, phân tích và trình bày thông tin địa lí. Cách tiếp cận này phù hợp với yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông môn Địa lí về việc sử dụng bản đồ, Atlat và các công cụ địa lí trong hoạt động tìm hiểu địa lí (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018).

Đối với bản đồ số, 94,4% giáo viên đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý rằng họ thường xuyên sử dụng trong dạy học. Mức độ tổ chức hoạt động học tập dựa trên bản đồ cũng ở mức cao, cho thấy bản đồ số đã trở thành một dạng học liệu quen thuộc trong thực tiễn giảng dạy của nhóm giáo viên được khảo sát.

Bảng 2. Nhận định của giáo viên về sử dụng bản đồ trong dạy học Địa lí

STT	Nội dung	ĐTB	ĐLC
1	Bản đồ là công cụ trực quan không thể thiếu trong các giờ dạy Địa lí của tôi	4,71	0,511
2	Tôi thường xuyên sử dụng bản đồ số (ảnh, webmap, trình chiếu,…) trong dạy học	4,51	0,647
3	Tôi thường giao hoạt động học tập dựa trên bản đồ (đọc, phân tích, so sánh bản đồ,…)	4,32	0,725
4	Sử dụng bản đồ giúp học sinh phát triển tư duy không gian hiệu quả	4,73	0,483
5	Sử dụng bản đồ giúp học sinh tăng hứng thú học tập	4,68	0,509

Nguồn: kết quả khảo sát của tác giả, 2025

Phân tích phương sai cho thấy một số khác biệt về thực trạng sử dụng bản đồ theo vùng kinh tế - xã hội và thâm niên công tác (Bảng 3). Các giá trị F và p được trình bày trong bảng để làm rõ mức độ khác biệt tổng thể giữa các nhóm.

Đối với tần suất sử dụng bản đồ số, khác biệt tổng thể theo vùng có ý nghĩa thống kê nhưng hậu kiểm không xác định được cặp vùng cụ thể khác biệt ở mức 0,05. Theo thâm niên, nhóm giáo viên có 5–10 năm công tác có mức sử dụng cao hơn nhóm trên 10 năm (ĐTB = 4,76 so với 4,42); các cặp còn lại không khác biệt có ý nghĩa. Vì vậy, dữ liệu không hỗ trợ khái quát rằng giáo viên càng trẻ thì càng sử dụng bản đồ số thường xuyên.

Đối với việc giao hoạt động học tập dựa trên bản đồ, khác biệt theo vùng thể hiện rõ hơn; nhóm Bắc Trung Bộ có mức báo cáo cao hơn một số vùng khác. Tuy nhiên, kết quả chỉ phản ánh sự khác biệt trong mẫu khảo sát và không cho phép suy luận nguyên nhân về hạ tầng, điều kiện kinh tế - xã hội hay năng lực công nghệ của từng vùng.

Bảng 3. Kết quả ANOVA về thực trạng sử dụng bản đồ theo vùng kinh tế - xã hội và thâm niên công tác

STT	Nội dung	Theo vùng F(5,247); p	Theo thâm niên F(3,249); p
1	Bản đồ là công cụ trực quan không thể thiếu trong các giờ dạy Địa lí của tôi	3,038; p = 0,011	2,833; p = 0,039
2	Tôi thường xuyên sử dụng bản đồ số (ảnh, webmap, trình chiếu,…) trong dạy học	2,401; p = 0,038	2,781; p = 0,042
3	Tôi thường giao hoạt động học tập dựa trên bản đồ (đọc, phân tích, so sánh bản đồ,…)	4,823; p < 0,001	2,061; p = 0,106
4	Sử dụng bản đồ giúp học sinh phát triển tư duy không gian hiệu quả	1,705; p = 0,134	1,835; p = 0,141
5	Sử dụng bản đồ giúp học sinh tăng hứng thú học tập	1,574; p = 0,168	1,564; p = 0,199

Nguồn: kết quả khảo sát của tác giả, 2025

So với tần suất sử dụng bản đồ số, mức độ tổ chức hoạt động học tập dựa trên bản đồ thấp hơn tương đối (Bảng 2). Kết quả gợi ý rằng việc sử dụng bản đồ số chưa phải lúc nào cũng gắn với các nhiệm vụ đọc, phân tích, so sánh hoặc giải quyết vấn đề; đây là khía cạnh cần được chú ý khi phát triển học liệu mới.

Nhìn chung, bản đồ số đã được sử dụng phổ biến trong nhóm khảo sát, nhưng mức độ sử dụng và cách tổ chức hoạt động học tập vẫn có sự khác nhau giữa một số nhóm giáo viên. Kết quả này là cơ sở để xem xét tiếp mức độ đáp ứng của nguồn học liệu và nhu cầu cập nhật trong bối cảnh sắp xếp đơn vị hành chính.

3.3. Thực trạng học liệu bản đồ trong bối cảnh sắp xếp đơn vị hành chính

Các tiêu chí liên quan đến tính cập nhật, tính nhất quán và công sức tự xử lí học liệu đều được giáo viên đánh giá ở mức cao (Bảng 4). Kết quả phản ánh những khó khăn mà người tham gia cảm nhận tại thời điểm khảo sát, không phải khẳng định tuyệt đối về toàn bộ nguồn bản đồ hiện có.

Bảng 4. Nhận định của giáo viên về tình trạng học liệu bản đồ sau sắp xếp đơn vị hành chính

STT	Nội dung	ĐTB	ĐLC
1	Các bản đồ trong sách giáo khoa/Atlat hiện hành đã không còn phù hợp so với thực tế sau sắp xếp đơn vị hành chính	4,34	0,959
2	Hiện chưa có bộ bản đồ hành chính chính thức/chuẩn hóa phục vụ giảng dạy sau sắp xếp đơn vị hành chính	4,18	1,108
3	Việc thiếu bản đồ cập nhật ảnh hưởng đến chất lượng dạy và học các nội dung liên quan	4,35	0,868
4	Tôi tốn nhiều thời gian và công sức để tự tìm kiếm/biên soạn học liệu về các đơn vị hành chính mới	4,40	0,792
5	Tôi phải tự chỉnh sửa/vẽ lại ranh giới đơn vị hành chính để dùng trong bài giảng	3,94	1,041
6	Nguồn dữ liệu bản đồ trên Internet không nhất quán (kí hiệu, ranh giới, cách đặt tên,..)	4,16	0,879

Nguồn: kết quả khảo sát của tác giả, 2025

Giáo viên đánh giá cao mức độ chưa phù hợp của một số bản đồ trong sách giáo khoa/Atlat so với thực tế sau sắp xếp và nhu cầu có nguồn bản đồ hành chính được cập nhật, chuẩn hóa. Các nhận định này cho thấy vấn đề cập nhật nội dung lãnh thổ đang tác động trực tiếp đến việc lựa chọn học liệu cho các bài học có liên quan.

Cần lưu ý rằng nhận định "chưa có bộ bản đồ hành chính chính thức/chuẩn hóa" là ý kiến của người trả lời tại thời điểm khảo sát. Vì vậy, kết quả được sử dụng để phản ánh mức độ tiếp cận và cảm nhận về sự đồng bộ của học liệu, không phải để kết luận rằng hoàn toàn không tồn tại nguồn bản đồ cập nhật.

Áp lực chuẩn bị học liệu thể hiện rõ khi 89,4% giáo viên đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý rằng họ phải dành nhiều thời gian và công sức để tự tìm kiếm hoặc biên soạn học liệu về các đơn vị hành chính mới. Một bộ phận giáo viên cũng phải tự chỉnh sửa ranh giới hoặc đối chiếu nhiều nguồn trước khi sử dụng trong bài giảng.

Nguồn dữ liệu bản đồ trên Internet cũng được đánh giá là chưa đồng nhất về kí hiệu, ranh giới và cách đặt tên. Điều này làm tăng thời gian lựa chọn, kiểm tra và biên tập học liệu trước khi đưa vào dạy học, đặc biệt đối với các nội dung có yêu cầu chính xác về không gian lãnh thổ.

Tổng hợp các chỉ báo cho thấy có khoảng cách giữa tần suất sử dụng bản đồ số và mức độ đáp ứng của nguồn học liệu: giáo viên vẫn sử dụng thường xuyên nhưng đồng thời phải tự tìm kiếm, đối chiếu hoặc điều chỉnh nguồn. Vấn đề trọng tâm vì vậy không chỉ là có hay không có bản đồ, mà là mức độ cập nhật, thống nhất và thuận tiện khi sử dụng cho mục đích dạy học.

3.4. Nhu cầu của giáo viên đối với học liệu bản đồ số

Kết quả khảo sát cho thấy nhu cầu đối với học liệu bản đồ số đều ở mức cao (Bảng 5). Giáo viên không chỉ quan tâm đến việc cập nhật nội dung mà còn chú ý đến chất lượng hiển thị, khả năng sử dụng ở nhiều hình thức và sự phù hợp với các hoạt động dạy học.

Bảng 5. Nhận định của giáo viên về nhu cầu đối với học liệu bản đồ số

STT	Nội dung	ĐTB	ĐLC
1	Cần một bộ bản đồ hành chính cập nhật, chuẩn hóa cho giáo dục	4,56	0,668
2	Tôi sẵn sàng sử dụng bộ bản đồ nếu thiết kế phù hợp và dễ tiếp cận	4,50	0,693
3	Nên bổ sung thông tin mới như dân số, diện tích mới, trung tâm hành chính,… trên nền bản đồ	4,54	0,688
4	Cần bản đồ chi tiết cho các tỉnh/vùng có thay đổi, sắp xếp đơn vị hành chính lớn	4,57	0,634
5	Cần độ phân giải cao, hiển thị sắc nét khi trình chiếu	4,59	0,642
6	Cần phiên bản tối ưu in đen–trắng và "bản đồ câm" cho bài tập/kiểm tra	4,44	0,753
7	Cần cung cấp định dạng bản đồ cho phép phóng to mà không bị mờ hoặc vỡ hình	4,62	0,599
8	Cần có quy định sử dụng rõ ràng, cho phép giáo viên tự do sao chép và chia sẻ cho mục đích giảng dạy	4,48	0,689
9	Nên có các slide bài giảng mẫu (PowerPoint) sử dụng các bản đồ này để giáo viên tham khảo	4,42	0,737

Nguồn: kết quả khảo sát của tác giả, 2025

Trước hết, nhu cầu nổi bật là có nguồn bản đồ hành chính được cập nhật, chuẩn hóa và có bản đồ chi tiết cho các tỉnh hoặc vùng có thay đổi lớn. Đây là phản hồi trực tiếp đối với những khó khăn về cập nhật và tính nhất quán được ghi nhận ở mục 3.3.

Các yêu cầu về chất lượng hiển thị như độ phân giải và khả năng phóng to mà không bị mờ cũng được đánh giá cao. Trong bối cảnh bản đồ thường được sử dụng trên màn hình, máy chiếu hoặc được trích xuất vào bài giảng điện tử, khả năng thay đổi tỉ lệ và giữ độ rõ là điều kiện thực tế để giáo viên khai thác học liệu thuận lợi.

Bên cạnh đó, nhu cầu đối với bản đồ câm, phiên bản in đen - trắng và các định dạng dễ chia sẻ cho thấy giáo viên cần học liệu có khả năng thích ứng với nhiều nhiệm vụ học tập và kiểm tra,

đánh giá. Điều này phù hợp với định hướng sử dụng bản đồ như một công cụ của hoạt động tìm hiểu địa lí, không chỉ như phương tiện trình chiếu (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018).

Mức sẵn sàng sử dụng bộ bản đồ mới nếu được thiết kế phù hợp cũng ở mức cao. Như vậy, nhu cầu của giáo viên có thể khái quát ở ba phương diện có liên hệ với nhau: tính cập nhật và độ tin cậy của nội dung; khả năng sử dụng kĩ thuật; và tính linh hoạt trong tổ chức dạy học.

3.5. Các nhóm nội dung bản đồ được ưu tiên cập nhật

Đối với 42 nội dung bản đồ được đưa vào khảo sát mức độ ưu tiên, phân tích thành phần chính cho thấy dữ liệu phù hợp để rút gọn (chỉ số Kaiser-Meyer-Olkin (KMO) = 0,931; kiểm định Bartlett $p < 0,001$). Bốn thành phần được rút trích giải thích 87,283% tổng phương sai. Kết quả này được sử dụng để nhóm các nội dung có xu hướng được giáo viên đánh giá gần nhau, thay vì xem 42 mục như một thang đo đơn hướng.

Bảng 6. Các nhóm nội dung bản đồ được ưu tiên cập nhật

Nhân tố	Nội dung khái quát	Biến có tải tiêu biểu	Tải nhân tố
1	Bản đồ dân cư, kinh tế và hành chính vùng	D23; D19; D27	0,875; 0,862; 0,858
2	Bản đồ cấp tỉnh và bản đồ tổng hợp	D40; D41; D39	0,810; 0,803; 0,720
3	Bản đồ tự nhiên cấp quốc gia/miền	D4; D5; D3	0,894; 0,888; 0,874
4	Bản đồ tự nhiên cấp vùng	D30; D34; D18	0,640; 0,629; 0,625

Nguồn: kết quả khảo sát của tác giả, 2025

Bốn nhóm nổi bật gồm: (1) bản đồ dân cư, kinh tế và hành chính vùng; (2) bản đồ cấp tỉnh và bản đồ tổng hợp; (3) bản đồ tự nhiên cấp quốc gia/miền; và (4) bản đồ tự nhiên cấp vùng. Cấu trúc này cho thấy nhu cầu cập nhật vừa gắn với nội dung chuyên đề, vừa gắn với quy mô không gian của bản đồ. Đây là căn cứ để xác định thứ tự và cách tổ chức học liệu, không phải một mô hình sản phẩm cố định.

4. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy ba vấn đề có quan hệ trực tiếp với nhau: bản đồ số được giáo viên sử dụng thường xuyên; nguồn học liệu trong giai đoạn sắp xếp đơn vị hành chính còn gây nhiều khó khăn về cập nhật và tính nhất quán; và nhu cầu đối với học liệu mới ở mức cao. Ba kết quả này cần được xem xét như các mặt khác nhau của thực tiễn sử dụng học liệu, thay vì coi mức sử dụng cao và khó khăn về nguồn bản đồ là mâu thuẫn.

Thứ nhất, mức độ sử dụng bản đồ số cao phù hợp với xu hướng tăng cường ứng dụng công nghệ địa không gian trong giáo dục Địa lí (Baker et al., 2015; Ngô et al., 2025; Nguyễn, 2021). Tuy nhiên, nghiên cứu này cho thấy việc sử dụng thường xuyên không đồng nghĩa với việc giáo viên có sẵn một nguồn học liệu cập nhật và dễ khai thác. Việc nhiều giáo viên vẫn phải tự tìm kiếm hoặc biên soạn tài liệu cho thấy chất lượng và khả năng tiếp cận nguồn học liệu là vấn đề độc lập với tần suất sử dụng công nghệ.

Thứ hai, bối cảnh sắp xếp đơn vị hành chính làm nổi rõ yêu cầu cập nhật nội dung lãnh thổ. Các văn bản năm 2025 vừa điều chỉnh đơn vị hành chính, vừa tác động đến cách tổ chức nội dung về vùng và địa phương trong dạy học Địa lí (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025; Chính phủ, 2025a; Quốc hội, 2025). Do đó, học liệu bản đồ dùng trong nhà trường cần ghi rõ nguồn dữ liệu và thời điểm cập nhật, đồng thời bảo đảm sự thống nhất giữa bản đồ, nội dung chương trình và các tài liệu dạy học liên quan.

Thứ ba, nhu cầu của giáo viên không dừng ở một bản đồ có hình thức đẹp hoặc độ phân giải cao. Các yêu cầu về bản đồ câm, phiên bản in, khả năng phóng to và nguồn dữ liệu rõ ràng phản ánh nhu cầu sử dụng bản đồ trong nhiều hoạt động học tập khác nhau. Điều này phù hợp với định hướng của Chương trình giáo dục phổ thông môn Địa lí, trong đó học sinh cần sử dụng bản đồ và

các công cụ địa lí để tìm hiểu, xử lí và trình bày thông tin (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018; Jo & Bednarz, 2009).

Thứ tư, việc nhóm 42 nội dung ưu tiên thành bốn thành phần giúp làm rõ hơn hướng tổ chức học liệu theo nội dung và quy mô không gian. Kết quả cho thấy nhu cầu tập trung đáng kể vào các bản đồ dân cư - kinh tế vùng, bản đồ cấp tỉnh và các nhóm bản đồ tự nhiên ở quy mô quốc gia, miền và vùng. Hướng tổ chức theo chuyên đề và quy mô không gian cũng tương thích với các nghiên cứu xây dựng Atlat hoặc hệ thống bản đồ phục vụ dạy học địa lí địa phương (Nguyễn et al., 2024; Tạ et al., 2024).

Từ góc độ thực tiễn, ưu tiên trước mắt là xây dựng nguồn học liệu có xuất xứ rõ ràng, được cập nhật kịp thời và có thể sử dụng linh hoạt trong nhiều tình huống dạy học. Việc phát triển học liệu cần gắn với nhiệm vụ đọc, phân tích, so sánh và khai thác thông tin địa lí, đồng thời cung cấp các định dạng phù hợp với trình chiếu, in ấn và kiểm tra, đánh giá. Dữ liệu của nghiên cứu chưa đủ để đề xuất một mô hình công nghệ hay quy trình phát triển học liệu cố định; các giải pháp cụ thể cần được tiếp tục thiết kế và thử nghiệm trong những nghiên cứu sau.

5. Kết luận

Nghiên cứu đã làm rõ thực trạng sử dụng và nhu cầu đối với học liệu bản đồ số trong dạy học Địa lí ở trường trung học phổ thông trong bối cảnh sắp xếp đơn vị hành chính. Kết quả cho thấy bản đồ số được sử dụng thường xuyên và được giáo viên đánh giá cao về vai trò trong dạy học, nhưng nguồn học liệu vẫn đặt ra nhiều khó khăn về tính cập nhật, tính nhất quán và thời gian chuẩn bị. Nhu cầu của giáo viên tập trung vào học liệu có nội dung cập nhật, nguồn gốc rõ ràng, chất lượng hiển thị phù hợp và khả năng sử dụng linh hoạt trong các hoạt động học tập. Phân tích 42 nội dung ưu tiên cho thấy có thể tổ chức học liệu theo bốn nhóm chính gắn với nội dung chuyên đề và quy mô không gian, qua đó cung cấp căn cứ cho việc xác định thứ tự cập nhật và phát triển sản phẩm. Về đóng góp, nghiên cứu cung cấp bằng chứng khảo sát từ giáo viên thuộc sáu vùng kinh tế - xã hội và làm rõ khoảng cách giữa mức sử dụng bản đồ số với mức độ đáp ứng của nguồn học liệu trong giai đoạn chuyển tiếp năm 2025. Kết quả đồng thời nhấn mạnh rằng phát triển học liệu bản đồ số cần kết hợp yêu cầu chính xác khoa học với khả năng sử dụng sư phạm, thay vì chỉ tập trung vào công nghệ.

Từ góc độ thực tiễn, các đơn vị xây dựng học liệu cần ưu tiên cập nhật các bản đồ chịu tác động trực tiếp của thay đổi lãnh thổ, chuẩn hóa nguồn dữ liệu và cung cấp các định dạng phù hợp với trình chiếu, in ấn, bản đồ câm và các nhiệm vụ học tập. Việc khai thác học liệu cần gắn với hoạt động tìm hiểu địa lí để hỗ trợ học sinh sử dụng bản đồ như một công cụ học tập.

Nghiên cứu còn một số hạn chế. Mẫu được chọn theo phương pháp thuận tiện nên khả năng khái quát còn hạn chế; dữ liệu chủ yếu dựa trên tự báo cáo của giáo viên; khái niệm học liệu bản đồ số trong bảng hỏi chưa tách riêng bản đồ tĩnh và bản đồ tương tác. Các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng mẫu, kết hợp dữ liệu định tính và thử nghiệm các học liệu cụ thể để đánh giá hiệu quả sử dụng trong dạy học.

Ghi chú về tác giả: *ThS Tạ Đức Hiếu là giảng viên Khoa Địa lý, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Pang Tas Y Danh, Danh Hữu Lộc, Phi Srỗn Ha Thọ, Hoàng Thị Thu Thu và Phạm Mai Thanh Trâm là sinh viên Khoa Địa lý, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.*

Đóng góp của tác giả: *Tác giả 1 xây dựng ý tưởng, khung lí thuyết và phương pháp tiếp cận; chủ trì định hướng nghiên cứu, kiểm tra, chỉnh sửa và hoàn thiện nội dung khoa học của bài báo. Tác giả 2 xây dựng phương pháp nghiên cứu, xử lí và phân tích dữ liệu thống kê bằng SPSS, kiểm định thang đo và phân tích các nhóm bản đồ ưu tiên cập nhật. Tác giả 3 viết phần mở đầu, phân tích thực trạng sử dụng bản đồ trong dạy học Địa lí và sự khác biệt giữa các nhóm giáo viên. Tác giả 4 tham gia xây dựng phiếu khảo sát, thu thập dữ liệu, phân tích thực trạng học liệu và nhu cầu của giáo viên, viết phần thảo luận. Tác giả 5 tham gia xây dựng phiếu khảo sát, phân tích thực trạng học liệu, diễn giải kết quả về các nhóm bản đồ ưu tiên cập nhật, phối hợp viết phần thảo luận, tóm tắt, từ khóa và chỉnh sửa bản thảo. Tác giả 6 phân tích kết*

quả khảo sát về thực trạng sử dụng bản đồ và nhu cầu học liệu bản đồ số của giáo viên; viết phần kết luận, đánh giá hạn chế và đề xuất định hướng nghiên cứu tiếp theo

Tuyên bố về xung đột lợi ích: *Các tác giả tuyên bố không có xung đột lợi ích.*

Ghi chú: *Nghiên cứu này được tài trợ bởi Nguồn ngân sách khoa học và công nghệ Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh trong đề tài sinh viên NCKH năm học 2025-2026.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Adeoye, M. A. (2023). Review of sampling techniques for education. *ASEAN Journal for Science Education*, 2(2), 87–94.

Baker, T. R., Battersby, S., Bednarz, S. W., Bodzin, A. M., Kolvoord, R. A., Moore, S., Sinton, D., & Uttal, D. (2015). A research agenda for geospatial technologies and learning. *Journal of Geography*, 114(3), 118–130. https://doi.org/10.1080/00221341.2014.950684

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). Chương trình giáo dục phổ thông môn Địa lí (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018).

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2025). Thông tư số 17/2025/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 9 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT.

Chính phủ. (2025a). Nghị quyết số 306/NQ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2025 về điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Chính phủ. (2025b). Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2025 ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

Creswell, J. W., & Creswell, J. D. (2018). Research design: Qualitative, quantitative, and mixed methods approaches (5th ed.). *SAGE Publications*.

Jo, I., & Bednarz, S. W. (2009). Evaluating geography textbook questions from a spatial perspective: Using concepts of space, tools of representation, and cognitive processes to evaluate spatiality. *Journal of Geography*, 108(1), 4–13. https://doi.org/10.1080/00221340902758401

Likert, R. (1932). A technique for the measurement of attitudes. *Archives of Psychology*, 140, 1–55.

Ngô, T. H. Y., Đặng, V. K., Lương, T. K. H., & Phạm, T. P. D. (2025). Ứng dụng viễn thám và hệ thống thông tin địa lí (GIS) để tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Địa lí 10. *Tạp chí Giáo dục*, 25(đặc biệt 9), 120–126.

Nguyễn, T. B. (2014). Công nghệ GIS và việc ứng dụng phần mềm MapInfo trong thành lập bản đồ nông nghiệp tỉnh Đồng Nai phục vụ dạy-học Địa lí địa phương. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 59, 40–46. https://doi.org/10.54607/hcmue.js.0.59.797(2014)

Nguyễn, T. H. (2021). Ứng dụng phần mềm Google Earth trong dạy học môn Địa lí ở trường trung học phổ thông theo hướng phát triển năng lực học sinh. *Tạp chí Giáo dục*, 506(2), 29–34.

Nguyễn, T. L., Nguyễn, Đ. T., Trần, Đ. V., Lê, T. Q., & Nguyễn, T. T. H. (2024). Nghiên cứu xây dựng tập Atlat địa lý Thái Nguyên nhằm hỗ trợ việc dạy học địa lý tại các trường học ở tỉnh Thái Nguyên. *Tạp chí Khí tượng Thủy văn*, 758, 23–34. https://doi.org/10.36335/VNJHM.2024(758).23-34

Quốc hội. (2025). Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.

Tạ, Đ. H., Hà, V. T., Huỳnh, N. H., & Lê, H. T. (2024). Xây dựng hệ thống bản đồ địa lí phục vụ nội dung giáo dục địa phương cấp trung học cơ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Giáo dục*, 24(đặc biệt 10), 260–266.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội. (2025). Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025.